TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN GIỒNG RIỀNG** **TỈNH KIÊN GIANG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **06**/2025/HSST
Ngày: 21-02-2025

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GIỒNG RIỀNG, TỈNH KIÊN GIANG

- Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Lữ Cẩm Nhung

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Danh Riêng;

2. Bà Nguyễn Thị Cẩm Bình.

- Thư ký phiên toà: Ông Trần Văn Lộc– Thư ký Toà án nhân dân huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Giồng Riềng tham gia phiên tòa: Ông Lê Thành Thủ – Kiểm sát viên .

Ngày 21 tháng 02 năm 2025, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 76/2024/HSST ngày 10 tháng 12 năm 2024 về tội " Trộm cắp tài sản" và " Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 41/2025/QĐXX – ST ngày 04 tháng 02 năm 2025, đối với các bị cáo:

1. Nguyễn Văn T (tên gọi khác: T1), sinh ngày 25/4/1992; tại huyện T, tỉnh Kiên Giang; Nơi cư trú: Khu phố H, thị trấn G, huyện G, tỉnh Kiên Giang; Nghề nghiệp: Làm thuê; Trình độ văn hóa: 10/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: nam; Tôn giáo: không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Nguyễn Văn M (đã chết) và bà Phan Thị Kim A, sinh năm 1942; Vợ tên Ngô Thị Thúy K, sinh năm 1991; Có 02 con: Lớn nhất sinh năm 2012 và nhỏ nhất sinh năm 2022; Bị cáo là người con duy nhất trong gia đình; Tiền án, tiền sự: không; Tuy nhiên vào ngày 25/02/2022 bị Ủy ban nhân dân xã H, thành phố P xử phạt vi phạm hành chính số tiền là 2.500.000đ về hành vi "Cố ý gây thương tích", đã nộp phạt xong vào ngày 26/02/2022.

Bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 16/8/2024 cho đến nay. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

2. **Trần Văn T2** (tên gọi khác: Trê T3), sinh ngày 17/4/1998; tại huyện G, tỉnh Kiên Giang; Nơi cư trú: ấp P, xã T, huyện G, tỉnh Kiên Giang; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hóa: 8/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: nam; Tôn giáo: không; Quốc tịch Việt Nam; Con ông Trần Thanh V, sinh năm 1977 và bà Lương Thị T4, sinh năm 1978; Vợ tên Nguyễn Thị Bích T5, sinh năm 2002 và có 01

người con sinh năm 2022; Anh chị em ruột có 02 người, lớn nhất bị cáo, nhỏ nhất sinh năm 1999; Tiền án, tiền sự: không;

Bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 16/8/2024 cho đến nay. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

3. **Đặng Xuân T6** (tên gọi khác: Thành X), sinh ngày 16/5/1983, tại huyện G, tỉnh Kiên Giang; Nơi cư trú: Ấp N, xã N, huyện G, tỉnh Kiên Giang; Chổ ở hiện nay: Khu phố N, thị trấn G, huyện G, tỉnh Kiên Giang; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hóa: 6/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: nam; Tôn giáo: không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Đặng Văn M1, sinh năm 1964 và bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1962; Vợ tên Trương Thị Bé T7, sinh năm 1990 và có 02 người con: Lớn nhất sinh năm 2007 và nhỏ nhất sinh năm 2023; Anh chị em ruột có 03 người, lớn nhất là bị cáo, nhỏ nhất sinh năm 1989; Tiền án, tiền sự: không;

Bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 16/8/2024 cho đến nay. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

4. **Bùi Văn B (**tên gọi khác: B Đầu B2), sinh ngày 13/02/1999; tại huyện G, tỉnh Kiên Giang; Nơi cư trú: Khu phố H, thị trấn G, huyện G, tỉnh Kiên Giang; Nghề nghiệp: Làm thuê; Trình độ văn hóa: 4/12; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: không; Giới tính: nam; Quốc tịch Việt Nam; Con ông Bùi Văn K1, sinh năm 1979 và bà Trần Kim P, sinh năm 1979; Anh chị em ruột có 02 người, lớn nhất là bị cáo và nhỏ nhất sinh năm 2000; Tiền án, tiền sự: không;

Bị cáo bị bắt tạm giữ từ ngày 16/8/2024 đến ngày 25/8/2024 được huỷ bỏ quyết định tạm giữ; Đến ngày 15/01/2025 bị bắt tạm giam cho đến nay. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

5. **Lê Hữu T8** (Tên gọi khác: Thuận A1), sinh ngày 01/01/1993, tại huyện A, tỉnh Kiên Giang; Nơi cư trú: Tổ B, ấp P, xã T, huyện T, tỉnh Kiên Giang; Chổ ở hiện nay: Ấp T, xã T, huyện G, tỉnh Kiên Giang; Nghề nghiệp: Kinh doanh thu mua phế liệu; Trình độ văn hóa: 5/12; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: không; Giới tính: nam; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Lê Văn S (Đã chết) và bà Lê Thị Ú, sinh năm 1969, cha dượng: Võ Hoài N, sinh năm 1980; anh em ruột có 03 người, bị cáo là người lớn nhất, nhỏ nhất sinh năm 1999 (em cùng mẹ khác cha); Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo được tại ngoại điều tra. Bị cáo bị áp biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú vào ngày 26/12/2024 cho đến nay, bị cáo có mặt tại phiên tòa.

** Người bị hại:*

- Ủy ban nhân dân huyện G.

Địa chỉ: Khu phố N, thị trấn G, huyện G, tỉnh Kiên Giang.

Người đại diện theo pháp luật; Ông Nguyễn Minh T9 - Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện G (vắng mặt).

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Cao Nhật B1 - Chức vụ: Trưởng phòng Kinh tế- Hạ tầng huyện G, tỉnh Kiên Giang (Theo giấy uỷ quyền ngày 16/9/2024) (Có đơn xin vắng mặt)

Địa chỉ: ấp K, xã T, huyện G, tỉnh Kiên Giang.

- Ông **Trần Quốc V1**- sinh năm 1978

Địa chỉ: Khu phố N, thị trấn G, huyện G, tỉnh Kiên Giang (Có đơn xin vắng mặt)

** Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:*

- Anh **Huỳnh Thanh T10**, sinh năm 1983 (Có đơn xin vắng mặt)

Nơi cư trú: ấp T, xã T, huyện G, tỉnh Kiên Giang.

- Anh **Nguyễn Hoàng A2**, sinh năm 2002 (Có đơn xin vắng mặt)

Nơi cư trú: Khu phố H, thị trấn G, huyện G, tỉnh Kiên Giang.

- Chị **Ngô Thị Thúy K**, sinh năm 1991 (Có đơn xin vắng mặt)

Nơi cư trú: Khu phố H, thị trấn G, huyện G, tỉnh Kiên Giang.

- Ông **Phạm Thanh S1**, sinh năm 1981 (Có đơn xin vắng mặt)

Nơi cư trú: Ấp B, xã T, huyện G, tỉnh Kiên Giang.

- Ông **Trần Thanh V**- sinh năm 1977 (Cha bị cáo T2) (Có mặt)

Địa chỉ: Ấp P, xã T, huyện G, tỉnh Kiên Giang.

- Chị **Trương Thị Bé T7**, sinh năm 1990 (Vợ bị cáo Xuân T6) (Có mặt)

Nơi cư trú: Khu phố N, thị trấn G, huyện G, tỉnh Kiên Giang.

- Bà **Lê Thị Ú**, sinh năm 1969 (Mẹ bị cáo Hữu T8) (Có mặt)

Nơi cư trú: ấp T, xã T, huyện G, tỉnh Kiên Giang.

- Ông **Võ Hoài N**, sinh năm 1980 (Cha dượng bị cáo Hữu T8) (Có mặt)

Nơi cư trú: ấp T, xã T, huyện G, tỉnh Kiên Giang.

- Bà **Lương Thị T4**, sinh năm 1978 (mẹ ruột bị cáo T2) (Có mặt)

Nơi cư trú: Ấp P, xã T, huyện G, tỉnh Kiên Giang.

** Người làm chứng:* Ông **Phạm Hồng Đ**, sinh năm 1968 (vắng mặt)

Nơi cư trú: Ấp T, xã T, huyện G, tỉnh Kiên Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng 00 giờ ngày 15/08/2024, Trần Văn T2 một mình điều khiển xuồng máy (do ông Trần Thanh V cha T2 là chủ sở hữu), khi đi T2 mang theo kìm, mục đích tìm đoạn đường vắng người để cắt trộm dây điện đèn đường bán lấy tiền tiêu xài cá nhân. Khi chưa cắt được dây điện thì T2 đã bị Công an xã T đi tuần tra phát hiện, thu giữ tang vật có liên quan đến hành vi cắt trộm dây điện nên mời về trụ sở để làm việc. Quá trình điều tra xác định Trần Văn T2 khai nhận cùng Nguyễn Văn T, đã thực hiện nhiều lần đi cắt trộm dây điện đèn đường mang về

nhà Đặng Xuân T6 tại khu phố N, thị trấn G để cất giấu và tách vỏ dây điện lấy lõi dây điện mang đi bán. Sau đó, Công an huyện G đã đến nhà T6 để mời T6 làm việc, phát hiện tại nhà T6 có mặt của Bùi Văn B, Huỳnh Thanh T10 và Nguyễn Hoàng A2. Qua kiểm tra phát hiện có nhiều vỏ và ruột dây điện trên bộ ván nhà T6 (đang tách vỏ), cùng kìm, dao dùng để gọt tách vỏ dây điện.

Tiến hành kiểm tra xung quanh nhà T6 phát hiện 01 (một) bao nylon chứa nhiều vỏ dây điện trắng đen loại dây Cadivi Duplex 2x11mm2 nên Đặng Xuân T6 tự giao nộp cho Cơ quan Công an. Tại Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện G, Nguyễn Văn T; Trần Văn T2; Đặng Xuân T6 và Bùi Văn B thừa nhận hành vi phạm tội của mình.

Kết quả điều các bị cáo khai nhận: Nguyễn Văn T và Trần Văn T2 đã thực hiện tổng cộng 03 vụ trộm cắp tài sản là dây điện đèn đường sáng tại tại ấp T, xã T, huyện G, tỉnh Kiên Giang và ấp P, xã T, huyện G, tỉnh Kiên Giang. Khi cắt trộm dây điện mang về nhà Đặng Xuân T6 tại khu phố N, thị trấn G, huyện G, tỉnh Kiên Giang. Sau đó, T2; Tại; T6 và B tách vỏ mang đi bán, cụ thể từng vụ như sau:

Vụ thứ nhất: Vào khoảng 23 giờ ngày 06/8/2024, do hết tiền chơi game nên Tại và T2 rủ nhau đi cắt trộm dây điện đèn đường. Sau đó, Tại điều khiển xe mô tô biển số 55Y5 - 1578 nhãn hiệu CITI NEW (xe của Nguyễn Văn T mua ở tiệm C tại khu phố F, thị trấn G), Tại chở T2 mang theo 02 cây kìm (gồm 01 cây kìm răng của Tại và 01 cây kìm cắt của T2), đi qua cầu T đến đoạn đường trồng nhiều cây khoai mì (đoạn giữa chùa P1 và cặp quán cà phê) thuộc ấp T, xã T, huyện G thấy đoạn đường vắng không có người qua lại, không có nhà người dân ở nên lợi dụng cơ hội này Tại và T2 đã thực hiện hành vi cắt trộm dây điện với thủ đoạn giấu xe vào đám khoai mì xong, thì T2 và T đã leo lên cây xanh dùng kìm cắt đứt dây điện tại vị trí cục sứ, để lấy trộm 06 khoảng đây qua 07 cây cột điện (mỗi khoảng 35 mét). Tổng cộng cắt trộm được 210m dây điện đèn đường gồm 01 sợi dây đen và 01 sợi dây trắng, ruột 07 sợi bằng kim loại màu đồng, loại dây Duplex Cadivi 2x11mm2 (Tại cắt 02 khoảng, T2 cắt 04 khoảng). Sau đó, cả hai để vào 02 (hai) bao nylon (loại bao phân lượm gần đó) rồi Tại điều khiển xe chở T2 ngồi sau ôm 01 (một) bao và 01 (một) cuộn, để phía trước võng xe 01 (một) bao chở về nhà Đặng Xuân T6. Tại nhà T6, B ra mở cửa nhưng T6 không cho mang vào nhà mà để bên phía hong nhà, vì biết là dây điện lấy trộm. Đến khoảng 30 phút sau thì mới mang vào nhà đổ ra để Tại, T2 và B cuộn tròn lại cho gọn và để lại vào 02 (hai) bao nylon. Sau đó Tại chở T2 điến bán tại cơ sở thu mua Phế Liệu "Tuấn Ngọc 1 do Lê Hữu T8 là chủ kinh doanh" tại ấp T, xã T, huyện G, tỉnh Kiên Giang, bán được 69kg giá 195.000đ/kg (Dây điện còn vỏ trừ 300gram mỗi ký) bán được 9.436.000đ. Khi bán được tiền T2 và Tại tự chia mỗi người 1.000.000đ không cho T8 biết. Sau đó mang tiền về tại nhà T8 chia ba gồm T2; Tại; T8 mỗi người

1.500.000đ. Tiền còn lại mua thẻ cào chơi game và đưa cho Bùi Văn B 400.000đ mua ma túy về sử dụng chung. Đối với Lê Hữu T8; Lê Thị Ú và Võ Hoài N không biết dây điện do T và T2 lấy trộm.

Vụ thứ hai: Vào khoảng 23 giờ ngày 08/8/2024, Nguyễn Văn T và Trần Văn T2 do hết tiền mua thẻ cào chơi game, nên rủ nhau đi cắt trộm dây điện. Sau khi thống nhất Tại cũng điều khiển xe của Tại chở T2 mang theo 02 cây kìm như lần trước đi đến nhà chú Ú của T2 (tên Trần Văn Ú1 - Thuộc ấp Phạm Đình N1, xã T) để đậu xe, rồi cả hai bơi xuồng của cha T2 (tên Trần Thanh V là chủ sở hữu) đến dưới dạ cầu T, để leo lên cầu đi bộ đến nơi cắt trộm dây điện đêm 06/8/2024. Lợi dụng đoạn đường vắng, không có người đi qua lại nên T dùng kìm cắt còn T2 leo lên cây xanh cắt dứt dây điện tại vị trí cục sứ, do dây còn điện nên làm cháy khuyết cây kìm của T2, T2 tiếp tục cắt đầu còn lại để lấy trộm 02 khoảng dây điện qua 03 cây cột điện với tổng chiều dài 70m dây điện đèn đường gồm 01 sợi dây đen và 01 sợi dây trắng, ruột 07 sợi bằng kim loại màu đồng, loại dây Duplex Cadivi 2x11mm2. Sau đó, cả hai cuộn tròn lại cất giấu dưới mé ruộng rồi đi bộ lấy xuồng bơi về nhà T2 lấy 02 (hai) bao nylon (loại bao đựng phân) và lấy xe quay lại nơi giấu dây điện để bỏ vào 02 (hai) bao nylon. Tại điều khiển xe chở T2 ngồi sau ôm 01 (một) bao và 01 (một) bao để phía trước võng xe đi đường xã T về cầu C (T) thì xe hết xăng nên giấu 02 (hai) bao dây điện xuống lề đường, rồi đẩy xe đến cơ sở thu mua phế liệu T11, Tại vào gặp ông Võ Hoài N đang ngủ một mình dưới mé sông để hỏi xin xăng. Lúc này chó sủa lớn tiếng nên T8 ngủ trên nhà đi ra thì Tại và T2 hỏi T8 xin xăng. Lúc này T2 hỏi T8 dây điện đến bán vào thời điểm hơn 04 giờ có mua được không. T8 trả lời được rồi lấy chai rút xăng đưa cho Tại đổ vào xe. Sau đó, T2 và Tại quay lại nơi cất giấu 02 (hai) bao dây điện đến bán cho T8 được 32,5kg với giá 195.000đ/kg (Dây điện còn vỏ trừ 300gram mỗi ký) bán được 4.400.000đ, do bà Lê Thị Ú chưa thức nên đến sáng hôm sau, Tại một mình đến gặp T8 để lấy tiền, khi nhận tiền Tại trả lại cho T8 100.000đ tiền xăng vào buổi tối. Sau đó Tại mang tiền về nhà Đặng Xuân T6 chia ba gồm T2; Tại; T6 mỗi người được 1.200.000đ. Tiền còn lại mua thẻ cào chơi game và đưa cho Bùi Văn B 200.000đ mua ma túy về sử dụng chung. Lần này, Lê Hữu T8 biết dây điện do T2 và Tại đi cắt trộm cắp mà có. Riêng bà Lê Thị Ú và Võ Hoài N thì không biết dây điện do T2 và Tại cắt trộm.

Vụ thứ ba: Vào khoảng 23 giờ ngày 10/8/2024, Nguyễn Văn T và Trần Văn T2 cũng do hết tiền nên rủ nhau đi cắt trộm dây điện bán kiếm tiền tiêu xài cá nhân. Tại cũng điều khiển xe của Tại chở T2 mang theo 02 cây kìm như 02, khi đến đoạn đường vắng tìm nơi giấu xe. Sau đó, T và T2 đi bộ về hướng Cầu T qua dốc bên bờ T - Thuộc ấp P, xã T, huyện G. Lợi dụng đoạn đường này vắng, Tại cũng leo lên cây xanh dùng kìm của T2 cắt dứt dây điện tại vị trí cục sứ, do dây

còn điện làm nẹt lửa cháy khuyết cây kìm của T2, T2 tiếp tục cắt đầu còn lại để lấy trộm 03 khoảng dây điện qua 04 cây cột điện (từ trụ điện mang cá dốc cầu về hướng T 04 cây cột điện) với tổng chiều dài 105 mét dây điện đèn đường, gồm 01 sợi dây đen và 01 sợi dây trắng, ruột 07 sợi bằng kim loại màu đồng loại dây Duplex Cadivi 2x11 mm2. Sau đó, T điều khiển xe chở T2 ngồi sau ôm 01 (một) bao và để phía trước võng xe 01 (một) bao về nhà Đặng Xuân T6. Khi đến nhà T6, B ra mở cửa rồi mang vào nhà để Tại, T2, T6 và B tham gia gọt, tách vỏ dây điện ra khỏi ruột. Sau khi tách xong, B thu gom vỏ dây điện cất giấu.

Đến ngày 11/8/2024, Tại kêu T2 đến cầu T lấy kìm về thì phát hiện cây kìm của Tại đã bị rớt mất, chỉ còn lại kìm của T2 nên T2 lấy mang về nhà cất giấu. Đến chiều tối cùng ngày, Tại một mình điều khiển xe đến nơi cắt trộm dây điện tại mang cá dốc cầu bên bờ xã T để tìm cuồn dây điện lấy sót (cuộn dây điện dài 35m), thì phát hiện trong bụi cây nên Tại mang về nhà của Đặng Xuân T6 để cùng T6, Bình gọt, tách vỏ ra khỏi ruột, khi tách vỏ xong B cũng là người thu dọn vỏ mang đi bỏ vào bao nylon ngoài đám cỏ cạnh nhà T6. Đến sáng hôm sau, B điều khiển xe của Tại đến cơ sở thu mua phế liệu T11 để bán số dây đồng đã gọt sạch vỏ dựng trong bao gạo cho bà Lê Hữu T8 được 17kg, gồm 03 cuộn dây dài tổng cộng 105m, số tiền 3.300.000đ. Khi T8 tính tiền xong thì bà Ú trực tiếp cân và trả tiền cho T và T2. Sau khi có tiền, Tại và T2 mang về nhà Đặng Xuân T6 chia 03 người gồm T6; T2; Tại mỗi người 1.100.000đ. Số tiền còn lại mua thẻ cào nạp điện thoại chơi game và đưa cho B 200.000đ để mua ma túy cùng nhau sử dụng. Lần này, không có mặt của ông Võ Hoài N, tuy bà Lê Thị Ú đưa tiền trả cho T và T2. Nhưng bà Ú không biết dây điện do trộm cắp mà có, chỉ có Lê Hữu T8 biết dây điện do trộm cắp mà có.

Đối với số vỏ và ruột dây điện trên bộ ván tại nhà Đặng Xuân T6 là vào trưa ngày 15/8/2024, Bùi Văn B một mình điều khiển xe đạp (lấy của vợ T6 tên Trương Thị Bé T7 không biết), đi đến nhà mồ T - Thuộc khu phố G, thị trấn G, huyện G, tỉnh Kiên Giang (hàng rào không khóa cửa). B nhìn thấy trong nhà anh Trần Quốc V1 (cạnh nhà mồ) có xe ô tô không có ai trông giữ nên B leo vào nhà mồ rồi vào nhà anh V1, dùng kìm răng chuẩn bị mang theo cắt lấy trộng 01 đoạn dây điện 02 lớp võ, dài khoảng 04m dây đôi. Khi lấy trộm xong mang về nhà Đặng Xuân T6. Tại đây B tách võ một mình. Sau đó bị Công an kiểm tra thì B chưa tách vỏ xong. Số võ và ruột dây điện B đã lấy trộm và dao tách vỏ. T6 đã giao nộp cho Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện G.

Về vật chứng của vụ án, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện G đã thu giữ gồm:

- 01 (môt) máy xăng nhãn hiệu HUYNDAI, màu xanh trắng đen, láp máy dài 270cm và 01 chân vịt màu trắng. Tất cả đã qua sử dụng không kiểm tra tình trạng hoạt động;

- 01 (một) xuồng Composite màu xanh trắng xanh, có in dòng chữ "ĐIEN MAY THANH HUNG ĐT: 077.6272369", chiều dài 550cm, rộng 90cm. Xuồng đã qua sử dụng;

- 01 (một) kìm răng bằng kim loại, có đầu hình bầu dục, loại kìm cắt có biểu hiện rỉ sét, hư một phần đầu bấm kìm, dài 19,5cm; cán phủ nhựa màu đỏ đen, bên ngoài có quấn băng keo màu đen. Đã qua sử dụng;

- 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Samsung màu xanh đen, số IMEI 1: 353317/09/080535/0, IMEI 2: 353318/09/080535/8, cùng sim số: 0378959543. Điện thoại đã được niêm phong theo quy định của Trần Văn T2.

- Nhiều đoạn vỏ dây điện và ruột dây điện 07 sợi bằng kim loại màu đồng. Trọng lượng 02kg. Tại bộ ván trong nhà của Đặng Xuân T6 được đựng trong 01 (một) bao nylon.

- 01 (một) bao nylon bên trong có chứa nhiều đoạn vỏ dây điện trắng đen, loại vỏ dây Cadivi Duplex 2x11mm2. Trọng lượng 06kg. Tại đám cỏ sậy cạnh nhà Đặng Xuân T6.

- 01 (một) dao bằng kim loại bản lớn, mũi bằng, lưỡi dao sắc bén một bề, cán bị hỏng. Đã qua sử dụng tại bộ ván trong nhà của Đặng Xuân T6.

- 01 (một) dao yếm nhỏ bằng kim loại, mũi dao bầu nhọn, lưỡi dao sắc bén một bề, cán gỗ. Đã qua sử dụng tại bộ ván trong nhà của Đặng Xuân T6.

- 01 (một) kìm răng bằng kim loại, cán phủ nhựa màu vàng cam, có quấn băng keo đen. Đã qua sử dụng tại bộ ván trong nhà của Đặng Xuân T6.

- 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Samsung màu đen, số IMEI 353465100686698, IMEI2: 353466100686696, cùng sim số: 0768803743. Điện thoại đã được niêm phong theo quy định của Nguyễn Văn T.

- 01 (một) xe mô tô nhãn hiệu CITI NEW trên lốc máy, không rõ loại, biển kiểm soát 55Y5-1578, số khung: RMNWCHEMN9H000528, số máy: VHLFM152FMHV01500528. Xe đã qua sử dụng, không kiểm tra tình trạng hoạt động;

- 01 (một) bao nylon bên trong chứa nhiều đoạn ruột dây 07 sợi bằng kim loại màu đồng. Trọng lượng 12,2kg. Dây không có vỏ. Tại cơ sở thu mua phế liệu T11;

- 01 (một) Thẻ nhớ nhãn hiệu IMOU, loại thẻ nhớ IF (MicroSD), dung lượng 64GB, đã qua sử dụng. Trong Camera tại cơ sở thu mua phế liệu T11. Đã được niêm phong theo quy định;

- 01 (một) Thẻ nhớ nhãn hiệu SSD, loại thẻ nhớ TF (micro), dung lượng 32GB, đã qua sử dụng. Trong Camera tại cơ sở thu mua phế liệu T11. Đã được niêm phong theo quy định.

- 01 (một) Điện thoại di động nhãn hiệu SAMSUNG Galaxy A53 5G, tên kiểm thiết bị SM - A536E/DS, số sêri: R5CT220FYZF, IMEI 1: 350331801409645, IMEI 2: 352406221409645 màu đen có gắn 01 sim điện thoại 0385156332 đã qua sử dụng, không kiểm tra tình trạng hoạt động. Điện thoại đã được niêm phong theo quy định.

** Kết luận định giá:*

- Bản kết luận định giá số 20/BKL/HĐĐG ngày 21/8/2024 của hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện G kết luận:

Theo khảo sát trên thị trường tại thời điểm ngày 15/8/2024: Tỷ lệ còn lại của tài sản: 40% (86.500 đồng x 210 mét) x 40% = 7.266.000 đồng. (Bảy triệu, hai trăm sáu mươi sáu nghìn đồng).

- Bản kết luận định giá số 20/BKL/HDĐG ngày 21/8/2024 kết luận tài sản bị thiệt hại là (86.500 đồng x 70 mét) x 40% = 2.422.000đồng (Hai triệu, bốn trăm hai mươi hai nghìn đồng).

- Bản kết luận định giá số 21/BKL/HĐĐG ngày 21/8/2024 của hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện G kết luận:

Theo khảo sát trên thị trường tại thời điểm ngày 15/8/2024: Tỷ lệ còn lại của tài sản: 40% (86.500 đồng x 105 mét) x 40% = 3.633.000 đồng. (Ba triệu, sáu trăm ba mươi mươi ba nghìn đồng).

- Bản kết luận định giá số 29/BKL/HĐĐG ngày 30/10/2024 của hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện G kết luận:

Theo khảo sát trên thị trường tại thời điểm ngày 15/8/2024: Tỷ lệ còn lại của tài sản: 40% (86.500 đồng x 7,84 mét) x 40% = 271.264 đồng. (Hai trăm, bảy mươi một ngàn, hai trăm sáu mươi mốt đồng).

Vật chứng không thu giữ được: 01 (một) cây kìm của Nguyễn Văn T dùng để cắt trộm dây điện vào đêm ngày 10/8/2024.

Tổng giá trị tài sản bị thiệt hại được định giá là 13.321.000 đ (Mười ba triệu, ba trăm hai mươi mốt ngàn đồng).

Trên cơ sở các tài liệu, chứng cứ đã thu thập được, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện G đã ra quyết định khởi tố vụ án hình sự, khởi tố các bị cáo về hành vi trộm cắp tài sản đối với Nguyễn Văn T, Trần Văn T2, Đặng Xuân T6 và Bùi Văn B và khởi tố bị cáo Lê Hữu T8 về hành vi "Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có" .

Tại bản cáo trạng số 80/CT-VKS ngày 10/12/2024, Viện kiểm sát nhân dân huyện Giồng Riềng đã truy tố các bị cáo Nguyễn Văn T; Trần Văn T2; Đặng Xuân

T6; Bùi Văn B đã phạm vào tội: **"Trộm cắp tài sản"** quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017 và truy tố bị cáo Lê Hữu T8 đã phạm vào tội: **"Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có"** quy định tại khoản 1 Điều 323 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố các bị cáo Nguyễn Văn T; Trần Văn T2; Đặng Xuân T6; Bùi Văn B về tội "Trộm cắp tài sản" và bị cáo Lê Hữu T8 về tội "Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có". Đồng thời kiểm sát viên luận tội căn cứ tính chất, mức độ hành vi phạm tội, các tình tiết giảm nhẹ, tăng nặng trách nhiệm hình sự và nhân thân của các bị cáo, đề nghị:

Về trách nhiệm hình sự:

- Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52 và Điều 38 của Bộ luật Hình sự; xử phạt bị cáo Nguyễn Văn T từ 24 tháng đến 30 tháng tù.

- Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52 và Điều 38 của Bộ luật Hình sự; xử phạt bị cáo Trần Văn T2 từ 24 tháng đến 30 tháng tù.

- Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52 và Điều 38 của Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Đặng Xuân T6 từ 18 tháng đến 24 tháng tù.

- Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52 và Điều 38 của Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Bùi Văn B từ 12 tháng đến 18 tháng tù.

- Áp dụng khoản 1 Điều 323; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52 và Điều 38 của Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Lê Hữu T8 từ 06 tháng đến 12 tháng tù.

Về xử lý vật chứng của vụ án: Áp dụng Điều 47 Bộ luật Hình sự và Điều 106 Bộ luật Tố tụng Hình sự; đề nghị:

- Tuyên trả lại:

+ 01 (một) máy xăng nhãn hiệu HUYNDAI, màu xanh trắng đen, láp máy dài 270cm và 01 chân vịt màu trắng đã qua sử dụng không kiểm tra tình trạng hoạt động và 01 (một) xuồng Composite màu xanh trắng xanh, có in dòng chữ "ĐIEN MAY THANH HUNG ĐT: 077.6272369", chiều dài 550cm, rộng 90cm. Xuồng đã qua sử dụng cho ông Trần Thanh V là chủ sở hữu.

+ 01 (một) Thẻ nhớ nhãn hiệu IMOU, loại thẻ nhớ IF (MicroSD), dung lượng 64GB, đã qua sử dụng. Trong Camera tại cơ sở thu mua phế liệu T11 và 01 (một) Thẻ nhớ nhãn hiệu SSD, loại thẻ nhớ TF (micro), dung lượng 32GB, đã qua sử dụng. Trong Camera tại cơ sở thu mua phế liệu T11 đã qua sử dụng cho Lê Hữu T8 là chủ sở hữu.

- Tuyên tịch thu sung quỹ nhà nước:

+ Buộc bị cáo Lê Hữu T8 nộp lại tiền thu lợi bất chính với số tiền là 1.423.000đ, bị cáo đã nộp số tiền là 1.423.000đ (giai đoạn chuẩn bị xét xử).

+ 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Samsung màu đen, số IMEI 353465100686698, IMEI2: 353466100686696, cùng sim số: 0768803743. Điện thoại đã được niêm phong theo quy định của Nguyễn Văn T.

+ 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Samsung màu xanh đen, số IMEI 1: 353317/09/080535/0, IMEI 2: 353318/09/080535/8, cùng sim số: 0378959543 của Trần Văn T2 là chủ sở hữu.

+ 01 (một) Điện thoại di động nhãn hiệu SAMSUNG Galaxy A53 5G, tên kiểm thiết bị SM - A536E/DS, số sêri: R5CT220FYZF, IMEI 1: 350331801409645, IMEI 2: 352406221409645 màu đen có gắn 01 sim điện thoại 0385156332 của Lê Hữu T8 là chủ sở hữu.

+ 01 (một) xe mô tô nhãn hiệu CITI NEW trên lốc máy, không rõ loại, biển kiểm soát 55Y5-1578, số khung: RMNWCHEMN9H000528, số máy: VHLFM152FMHV01500528. Xe đã qua sử dụng, không kiểm tra tình trạng hoạt động.

- Tuyên tịch thu tiêu hủy:

+ Nhiều đoạn vỏ dây điện và ruột dây điện 07 sợi bằng kim loại màu đồng. Trọng lượng 02kg. Tại bộ ván trong nhà của Đặng Xuân T6 được đựng trong 01 (một) bao nylon.

+ 01 (một) kìm răng bằng kim loại, có đầu hình bầu dục, loại kìm cắt có biểu hiện rỉ sét, hư một phần đầu bấm kìm, dài 19,5cm; cán phủ nhựa màu đỏ đen, bên ngoài có quấn băng keo màu đen. Đã qua sử dụng;

+ 01 (một) bao nylon bên trong có chứa nhiều đoạn vỏ dây điện trắng đen, loại vỏ dây Cadivi Duplex 2x11mm2. Trọng lượng 06kg. Tại đám cỏ sậy cạnh nhà Đặng Xuân T6.

+ 01 (một) bao nylon bên trong có chứa nhiều đoạn ruột dây 07 sợi bằng kim loại màu hồng, trọng lượng 12,2kg, dây không có vỏ tại cơ sở thu mua phế liệu của Tuấn N2 1.

+ 01 (một) dao bằng kim loại bản lớn, mũi bằng, lưỡi dao sắc bén một bề, cán bị hỏng. Đã qua sử dụng tại bộ ván trong nhà của Đặng Xuân T6.

+ 01 (một) dao yếm nhỏ bằng kim loại, mũi dao bầu nhọn, lưỡi dao sắc bén một bề, cán gỗ. Đã qua sử dụng tại bộ ván trong nhà của Đặng Xuân T6.

+ 01 (một) kìm răng bằng kim loại, cán phủ nhựa màu vàng cam, có quấn băng keo đen. Đã qua sử dụng tại bộ ván trong nhà của Đặng Xuân T6;

Về trách nhiệm dân sự: Ủy ban nhân dân huyện G là bị hại có đơn yêu cầu các bị cáo phải bồi thường thiệt hại tổng giá trị tài sản bị thiệt hại với số tiền là

13.321.000đồng, các bị cáo đồng ý bồi thường. Đại diện gia đình bị cáo T2 và bị cáo Hữu T8 đã nộp với số tiền là 6.000.000 đồng (giai đoạn chuẩn bị xét xử bà T4 mẹ bị cáo T2 và bị cáo Hữu T8 đã tạm nộp số tiền như sau: Bà T4 nộp thay cho bị cáo T2 là 4.000.000đ và bị cáo Hữu T8 nộp 2.000.000đ).

Riêng đối với số dây điện Bùi Văn B cắt trộm của ông Trần Quốc V1 vào trưa ngày 15/8/2024, người bị hại ông Trần Quốc V1 không có yêu cầu bồi thường nên không xem xét.

Về hình phạt bổ sung: Đề nghị hội đồng xét xử miễn hình phạt bổ sung cho các bị cáo.

Bà Lương Thị T4 (mẹ ruột bị cáo T2): số tiền bà nộp bồi thường thay cho con bà là bị cáo Trần Văn T2 là 4.000.000 đồng nếu số tiền trên dư bà yêu cầu trả lại cho bị cáo T2.

Các bị cáo, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan không có ý kiến tranh luận về quan điểm luận tội của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Giồng Riềng.

Các bị cáo được nói lời nói sau cùng và xin HĐXX giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng: Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện G; Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Giồng Riềng; Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng Hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo và bị hại không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về hành vi của các bị cáo: Tại phiên tòa, các bị cáo đã thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội của các bị cáo như bản Cáo trạng đã nêu, lời khai của các bị cáo phù hợp lời khai tại Cơ quan điều tra và phù hợp với các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ, thể hiện: Nguyễn Văn T, Trần Văn T2, Đặng Xuân T6 và Bùi Văn B là đối tượng nghiện ma túy, do lười lao động, cần tiền tiêu xài cá nhân và chơi game mà Tại và T2 đã thực hiện hành vi trực tiếp lén lút cắt trộm dây điện đèn đường nhiều lần tại ấp T, xã T, huyện G và ấp P, xã T, huyện G, sau đó mang về nhà Đặng Xuân T6 để cùng với Xuân T6, B giúp sức tách vỏ lấy lỏi dây điện màu đồng để bán lấy tiền tiêu xài chung cả nhóm cụ thể từng lần như sau:

Lần thứ nhất: Vào khoảng 23 giờ ngày 06/8/2024, Nguyễn Văn T, Trần Văn T2 trộm tại ấp T, xã T, huyện G, tỉnh Kiên Giang, cắt trộm dây điện đường dài 210m dây điện đường mang bán cho cơ sở thu mua phế liệu Tấn Ngọc 1 - Thuộc ấp T, xã T, huyện G, tỉnh Kiên Giang, do Lê Hữu T8 trực tiếp mua với số tiền 9.436.000 đồng;

Lần thứ hai: Vào khoảng 23 giờ ngày 08/8/2024, Nguyễn Văn T, Trần Văn T2 trộm tại ấp T, xã T, huyện G, tỉnh Kiên Giang, cắt trộm dây điện đường dài 70m, cũng bán cơ sở thu mua phế liệu Tấn Ngọc 1- do Lê Hữu T8 trực tiếp mua với giá 4.400.000đồng;

Lần thứ ba: Vào khoảng 23 giờ ngày 10/8/2024 Nguyễn Văn T, Trần Văn T2 trộm tại ấp P, xã T, huyện G, tỉnh Kiên Giang, cắt trộm dây điện đường dài 105m, cũng bán cho cơ sở thu mua phế liệu Tấn Ngọc 1- do Lê Hữu T8 trực tiếp mua với giá 3.300.000đồng.

Đối với Đặng Xuân T6 và Bùi Văn B biết rõ T2 và Tại đi cắt trộm dây điện nhưng T6 vẫn giúp sức cho sử dụng địa điểm là nhà ở của mình để T2 và T mang dây điện về cất giấu ở lần thứ nhất, cũng như cho sử dụng địa điểm để cùng Tại, T2, Bình gọt, tách vỏ dây điện ở các lần trộm dây điện. Đồng thời, B là người thu gom vỏ đi cất giấu sau khi gọt vỏ dây điện các lần trên và cũng là người trực tiếp mang vỏ đi cất giấu. T6 được T2 và T nhiều lần chia tiền mỗi khi dây điện bán được. Đối với B mặc dù không được chia tiền như Xuân T6 nhưng tất cả những lần bán dây điện trên, Tại và T2 đều đưa tiền cho B đi mua ma tuý để Tại, T2, Xuân T6 và B cùng sử dụng chung mà B không phải hùn tiền.

Như vậy, tổng trị giá tài sản bị thiệt hại theo kết luận định giá tài sản là 13.321.000 đồng.

Căn cứ theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự thì "*Người nào trộm cắp tài sản của người khác trị giá từ 2.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm ....".* Như vậy, hành vi các bị cáo T, T2, Xuân T6 và B đã đủ yếu tố cấu thành tội "Trộm cắp tài sản" như đã viện dẫn nêu trên.

Căn cứ theo quy định tại khoản 1 Điều 323 Bộ luật hình sự quy định: "*Người nào không hứa hẹn trước mà chứa chấp, tiêu thụ tài sản biết rõ là do người khác phạm tội mà có, thì bị phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng, phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm*". Như vậy, hành vi bị cáo Lê Hữu T8 biết số dây điện do T2 và Tại trộm cắp mà có mang đến bán trong lần thứ hai và thứ ba, mặc dù không hứa hẹn trước nhưng vẫn đồng ý mua để bán lại kiếm lời do đó đủ yếu tố cấu thành tội "Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có".

Do đó, có cơ sở kết luận cáo trạng Viện kiểm sát nhân dân huyện Giồng Riềng truy tố các bị cáo Tại, T2, Xuân T6 và B đã phạm vào tội "Trộm cắp tài sản" được quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự và bị cáo Lê Hữu T8 đã phạm vào tội "Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có" là có căn cứ, đúng quy định pháp luật.

Lời nhận tội trên của các bị cáo phù hợp với nhau, phù hợp với lời khai người bị hại và các chứng cứ khác do Cơ quan điều tra thu thập có trong hồ sơ vụ án về thời gian, địa điểm và giá trị tài sản của từng lần các bị cáo thực hiện lấy trộm. Các bị cáo T, T2, Xuân T6 và B tham gia với vai trò đồng phạm mang tính chất giản đơn, không có sự phân công bàn bạc cụ thể mà hành vi được thực hiện nhất thời tương ứng với từng lần thực hiện.

Tại thời điểm phạm tội các bị cáo có đầy đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự. Hành vi phạm tội của các bị cáo được thực hiện với lỗi cố ý trực tiếp, xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của cơ quan tổ chức thuộc quyền quản lý của nhà nước, làm ảnh hưởng đến tình hình trật tự xã hội ở địa phương và gây hoang mang lo sợ trong quần chúng nhân dân. Các bị cáo cũng nhận thức được rằng tài sản hợp pháp của người khác là bất khả xâm phạm được mọi người tôn trọng và pháp luật bảo vệ. Nhưng vì bản chất lười lao động lại muốn có tiền tiêu xài, các bị cáo đã bất chấp pháp luật để thực hiện hành vi phạm tội. Trong đó, các bị cáo T1 và T2 trực tiếp lấy tài sản, đem đi tiêu thụ và chia tiền;

Các bị cáo Xuân T6 và B không trực tiếp tham gia đi cắt dây điện nhưng có tham gia tách lấy lõi dây điện khi Tại và T2 mang về. Ngoài ra, bị cáo Xuân T6 còn cho mượn địa điểm nhà ở làm nơi để tách lấy lõi dây đồng cũng như cất giữ tài sản trộm cắp và được Tại, T2 nhiều lần chia tiền từ việc bán tài sản trộm cắp mà có còn bị cáo B thì giữ vai trò canh mở cửa mỗi khi T2, Tại đi cắt dây điện mang về nhà Xuân T6 đồng thời thu gom vỏ dây điện khi tách lấy lõi xong đi xử lý bỏ. Như vậy, các bị cáo Xuân T6 và B giữ vai trò giúp sức tích cực còn đối với bị cáo Hữu T8 mặc dù không tham gia trộm dây điện nhưng giữ vai trò là người tiêu thụ (thu mua) lõi dây điện của Tại và T2 nhiều lần để thu lợi bất chính với số tiền là 1.423.000đ.

Đối với hành vi của Bùi Văn B việc thực hiện trộm cắp dây điện một mình tại nhà ông Trần Quốc V1 nhưng chưa đủ yếu tố cấu thành tội phạm nên HĐXX không xem xét.

Đối với Trương Thị Bé T7 là sống chung như vợ chồng với Đặng Xuân T6 nhưng không biết việc các bị cáo trộm cắp dây điện mang về nhà cất giấu và tách vỏ mang đi bán nên giao cho chính quyền địa phương quản lý giáo dục là đủ nghiêm;

Đối với các lần Bùi Văn B đi mua ma túy về để cùng Xuân T6, Tại, T2 cùng B sử dụng, do chưa có chứng cứ vững chắc nên không xử lý về hành vi "Tổ chức sử dụng trái chất ma túy".

Đối với bà Lê Thị Ú: do Lê Hữu T8 trực tiếp cân mua dây điện do T2 và T mang đến bán là người đưa tiền để trả sau mỗi lần T8 mua dây điện, nhưng bà Ú và ông N không biết là tài sản do phạm tội mà có, kể cả lần bà Ú trực tiếp mua dây đồng do B mang đến bán. Do đó, giao bà Lê Thị Ú và ông Võ Hoài N cho chính quyền, địa phương tuyên truyền, giáo dục pháp luật trong hoạt động kinh doanh là đủ nghiêm.

Đối với Huỳnh Thanh T10 và Nguyễn Hoàng A2 có mặt tại nhà Đặng Xuân T6 ngày 15/8/2024. Kết quả điều tra chưa chứng minh được vai trò đồng phạm nên không xử lý.

[3] Về tình tiết giảm nhẹ, tăng nặng trách nhiệm hình sự và nhân thân của các bị cáo:

[3.1] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

- Đối với bị cáo Nguyễn Văn T: Tại phiên toà đã có thái độ thành khẩn khai nhận về hành vi phạm tội, ăn năn hối lỗi về việc mình đã gây ra, hoàng cảnh gia đình khó khăn, không có nghề nghiệp ổn định nên được áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự.

- Đối với bị cáo Trần Văn T2: Tại phiên toà đã có thái độ thành khẩn khai nhận về hành vi phạm tội, ăn năn hối lỗi về việc mình đã gây ra; tích tực tác động gia đình bồi thường một phần thiệt hại với số tiền là 4.000.000 đồng; hoàng cảnh gia đình khó khăn không có nghề nghiệp ổn định, tại thời điểm phạm tội chưa có tiền án, tiền sự nên được áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự.

- Đối với các bị cáo Đặng Xuân T6 và Bùi Văn B: Tại phiên toà đã có thái độ thành khẩn khai nhận về hành vi phạm tội, ăn năn hối lỗi về việc mình đã gây ra; hoàng cảnh gia đình khó khăn không có nghề nghiệp ổn định; tại thời điểm phạm tội chưa có tiền án, tiền sự nên được áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự.

- Đối với bị cáo Lê Hữu T8: Tại phiên toà đã có thái độ thành khẩn khai nhận về hành vi phạm tội, ăn năn hối lỗi về việc mình đã gây ra; đã nộp lại tiền thu lợi bất chính để sung vào công quỹ nhà nước; tự nguyện nộp tiền khắc phục một phần hậu quả vào thiệt hại mà các bị cáo T1, T2, Xuân T6 và B phải bồi thường cho bị hại với số tiền là 2.000.000đ; chưa có tiền án, tiền sự nên được áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự.

[3.2] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Các bị cáo Nguyễn Văn T, Trần Văn T2, Đặng Xuân T6 và Bùi Văn B và Lê Hữu T8 phạm tội từ hai trở lên nên cần thiết áp dụng cho các bị cáo tình tăng nặng trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự.

[3.3] Về nhân thân các bị cáo: Các bị cáo Trần Văn T2; Nguyễn Văn T Đặng Xuân T6 và Bùi Văn B tại thời điểm phạm tội chưa có tiền án, tiền sự nhưng sau đó bị Công an xã nơi các bị cáo cư trú ra quyết định xử phát vi phạm hành chính về hành vi sử dụng trái phép chất ma tuý (Chưa nộp phạt). Ngoài ra, bị cáo Nguyễn Văn T vào ngày 25/02/2022 bị Ủy ban nhân dân xã H, thành phố P, xử phạt vi phạm hành chính số tiền 2.500.000 về hành vi "Cố ý gây thương tích", ngày 26/02/2022 đã nộp tiền phạt xong.

Đối với bị cáo Hữu T8 tại thời điểm phạm tội có nhân nhân thân tốt; bị cáo có nơi cư trú tại tổ B, ấp P, xã T, huyện T, tỉnh Kiên Giang nhưng về sống tạm trú tại ấp T, xã T, huyện G, tỉnh Kiên Giang đây là địa điểm gia đình bị cáo đã thuê đất cất nhà và làm cơ sở thu mua phế liệu từ năm 2019 đến nay, do bị cáo sống tạm trú nên không được xem là có nơi cư trú ổn định.

Nhận thấy, trong vụ án này bị cáo T và T2 giữ vai trò khởi xướng và là người trực tiếp thực hiện hành vi phạm tội, thiệt hại các bị cáo gây ra được xác định là 13.321.000đồng. Giá trị tài sản bị thiệt hại do các bị cáo gây ra tuy không lớn nhưng hậu quả để lại làm ảnh hưởng rất lớn đến tài sản của Nhà nước phải khôi phục lại mới hoàn toàn. Do đó, khi xem xét quyết định mức hình phạt, Hội đồng xét xử sẽ cân nhắc quyết định mức hình phạt tương xứng với tính chất, mức độ hành vi của từng bị cáo đã thực hiện.

[4] Xét đề nghị của vị đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa về việc định tội danh, khung hình phạt cũng như việc áp dụng các điều luật để xử lý vụ án là có căn cứ nên HĐXX ghi nhận để xem xét.

[5] Về hình phạt bổ sung: Các bị cáo còn có thể bị phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng nhưng xét thấy các bị cáo T, T2, Xuân T6 và B không có nghề nghiệp ổn định chủ yếu làm thuê, không có tài sản riêng và là đối tượng nghiện ma tuý nên không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo.

Đối với bị cáo Hữu T8 mặc dù có cơ sở kinh doanh thu mua phế liệu nhưng chỉ kinh doanh nhỏ cả gia đình, nhà ở và địa điểm kinh doanh xây dựng trên phần đất thuê của người khác và không có tài sản riêng nên không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

[6] Về trách nhiệm dân sự:

[6.1] Tại đơn yêu cầu bồi thường thiệt hại của Ủy ban nhân dân huyện G, yêu cầu các bị cáo bồi thường số tiền bị thiệt hại là 13.321.000đồng đồng và tại phiên Tòa các bị cáo T, T2, Xuân T6 và B cũng thống nhất bồi thường thiệt hại

tương ứng với hành vi của từng bị cáo đã gây ra. Riêng đối với bị cáo Hữu T8 không lấy trộm tài sản nên bị cáo không có trách nhiệm cùng các bị cáo khác bồi thường cho bị hại, tuy nhiên bị cáo Hữu T8 đã tự nguyện nộp số tiền là 2.000.000 đồng để cấn trừ vào số tiền thiệt hại mà các bị cáo T, T2, Xuân T6 và B phải bồi thường cho người bị hại, bị cáo Hữu T8 đã nộp xong theo biên lai thu tiền số 0002073 ngày 07/02/2025 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Giồng Riềng và không yêu cầu nhận lại, do đó số tiền thiệt hại còn lại là 11.321.000 đồng nên buộc các bị cáo Nguyễn Văn T, Trần Văn T2, Đặng Xuân T6 và Bùi Văn B có trách nhiệm liên đới bồi thường thiệt hại cho Ủy ban nhân dân huyện G, mỗi bị cáo bồi thường thiệt hại với số tiền là 2.830.250 đồng (11.321.000đ : 4 = 2.830.250 đồng) cụ thể:

Bị cáo Trần Văn T2 bồi thường số tiền là 2.830.250 đồng nhưng được khấu trừ vào số tiền 4.000.000 đồng mà bà Lương Thị T4 (Mẹ ruột bị cáo) đã tạm nộp tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Giồng Riềng theo biên lai thu tiền số 0002072 ngày 06/02/2025, tại phiên toà bà T4 đồng ý giao số tiền dư còn lại cho bị cáo T2 nhận nên bị cáo T2 được nhận lại số tiền còn thừa là 1.169.750 đồng.

Các bị cáo Nguyễn Văn T, Đặng Xuân T6 và Bùi Văn B mỗi bị cáo phải bồi thường số tiền là 2.830.250 đồng.

[6.2] Đối với số dây điện Bùi Văn B cắt trộm của ông Trần Quốc V1 vào trưa ngày 15/8/2024, người bị hại ông Trần Quốc V1 không có yêu cầu bồi thường nên HĐXX không xem xét là phù hợp.

[7] Về đánh giá vật chứng, xử lý vật chứng:

[7.1]. Đối với 01 (một) máy xăng nhãn hiệu HUYNDAI, màu xanh trắng đen, láp máy dài 270cm và 01 chân vịt màu trắng đã qua sử dụng không kiểm tra tình trạng hoạt động và 01 (một) xuồng Composite màu xanh trắng xanh, có in dòng chữ "ĐIEN MAY THANH HUNG ĐT: 077.6272369", chiều dài 550cm, rộng 90cm, đã qua sử dụng. Xét thấy, ông V1 không biết bị cáo T2 lấy tài sản để thực hiện hành vi phạm tội và tại phiên toà ông V1 xin nhận lại tài sản này nên cần trả lại tài sản này cho ông Trần Thanh V là chủ sở hữu là phù hợp.

Đối với 01 (một) Thẻ nhớ nhãn hiệu IMOU, loại thẻ nhớ IF (MicroSD), dung lượng 64GB, đã qua sử dụng. Trong Camera tại cơ sở thu mua phế liệu T11 và 01 (một) Thẻ nhớ nhãn hiệu SSD, loại thẻ nhớ TF (micro), dung lượng 32GB, đã qua sử dụng. Trong Camera tại cơ sở thu mua phế liệu T11 đã qua sử dụng trả lại cho Lê Hữu T8 là chủ sở hữu.

[7.2] Đối với số tiền thu lợi bất chính là 1.423.000đ của bị cáo Hữu T8 cần xử buộc bị cáo nộp lại để tịch thu sung quỹ nhà nước và bị cáo đã nộp lại theo biên lai thu tiền số 0002073 ngày 07/02/2025 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Giồng Riềng (giai đoạn chuẩn bị xét xử) nên ghi nhận.

Đối với **01** (một) điện thoại di động nhãn hiệu Samsung màu đen, số IMEI 353465100686698, IMEI2: 353466100686696, cùng sim số: 0768803743. Điện thoại đã được niêm phong theo quy định của Nguyễn Văn T; **01** (một) điện thoại di động nhãn hiệu Samsung màu xanh đen, số IMEI 1: 353317/09/080535/0, IMEI 2: 353318/09/080535/8, cùng sim số: 0378959543 của Trần Văn T2 là chủ sở hữu; **01** (một) Điện thoại di động nhãn hiệu SAMSUNG Galaxy A53 5G, tên kiểm thiết bị SM - A536E/DS, số sêri: R5CT220FYZF, IMEI 1: 350331801409645, IMEI 2: 352406221409645 màu đen có gắn 01 sim điện thoại 0385156332 của Lê Hữu T8 là chủ sở hữu và **01** (một) xe mô tô nhãn hiệu CITI NEW trên lốc máy, không rõ loại, biển kiểm soát 55Y5-1578, số khung: RMNWCHEMN9H000528, số máy: VHLFM152FMHV01500528, xe đã qua sử dụng, không kiểm tra tình trạng hoạt động. Xét thấy, tại phiên toà các bị cáo cũng xác định tài sản này là công cụ, phương tiện liên quan đến hành vi phạm tội nên các bị cáo tự nguyện đồng ý để tịch thu sung quỹ nhà nước nên ghi nhận.

[7.3] Đối với nhiều đoạn vỏ dây điện và ruột dây điện 07 sợi bằng kim loại màu đồng. Trọng lượng 02kg. Tại bộ ván trong nhà của Đặng Xuân T6 được đựng trong 01 (một) bao nylon; 01 (một) kìm răng bằng kim loại, có đầu hình bầu dục, loại kìm cắt có biểu hiện rỉ sét, hư một phần đầu bấm kìm, dài 19,5cm; cán phủ nhựa màu đỏ đen, bên ngoài có quấn băng keo màu đen. Đã qua sử dụng; 01 (một) bao nylon bên trong có chứa nhiều đoạn vỏ dây điện trắng đen, loại vỏ dây Cadivi Duplex 2x11mm2. Trọng lượng 06kg. Tại đám cỏ sậy cạnh nhà Đặng Xuân T6; 01 (một) bao nylon bên trong có chứa nhiều đoạn ruột dây 07 sợi bằng kim loại màu hồng, trọng lượng 12,2kg, dây không có vỏ tại cơ sở thu mua phế liệu của Tuấn N2 1; 01 (một) dao bằng kim loại bản lớn, mũi bằng, lưỡi dao sắc bén một bề, cán bị hỏng. Đã qua sử dụng tại bộ ván trong nhà của Đặng Xuân T6; 01 (một) dao yếm nhỏ bằng kim loại, mũi dao bầu nhọn, lưỡi dao sắc bén một bề, cán gỗ. Đã qua sử dụng tại bộ ván trong nhà của Đặng Xuân T6 và 01 (một) kìm răng bằng kim loại, cán phủ nhựa màu vàng cam, có quấn băng keo đen. Đã qua sử dụng tại bộ ván trong nhà của Đặng Xuân T6, tất cả vật chứng trên không còn giá trị sử dụng nên cần tịch thu tiêu huỷ là phù hợp.

[8] Về án phí: Áp dụng Điều 135, Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; khoản 1 Điều 23 và Điều 26 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14; xử:

Buộc các bị cáo Nguyễn Văn T, Đặng Xuân T6 và Bùi Văn B mỗi bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm là 200.000 đồng và án phí dân sự sơ thẩm không giá ngạch là 300.000 đồng.

Buộc bị cáo Trần Văn T2 phải chịu án phí hình sự sơ thẩm là 200.000 đồng.

Buộc bị cáo Lê Hữu T8 phải chịu án phí hình sự sơ thẩm là 200.000 đồng.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52 và Điều 38 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017;

Tuyên bố bị cáo **Nguyễn Văn T** (T1) phạm tội: "Trộm cắp tài sản".

Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn T **02 (hai) năm** tù. Thời điểm chấp hành hình phạt tù được tính kể từ ngày bị cáo bị bắt tạm giữ là 16/8/2024.

- Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52 và Điều 38 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017;

Tuyên bố bị cáo **Trần Văn T2** (T) phạm tội: "Trộm cắp tài sản".

Xử phạt bị cáo Trần Văn T2 **02 (Hai) năm** tù. Thời điểm chấp hành hình phạt tù được tính kể từ ngày bị cáo bị bắt tạm giữ là 16/8/2024.

- Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52 và Điều 38 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017;

Tuyên bố bị cáo **Đặng Xuân T6** (T) phạm tội: "Trộm cắp tài sản".

Xử phạt bị cáo Đặng Xuân T6 **01 (một) năm 06 (sáu) tháng** tù. Thời điểm chấp hành hình phạt tù được tính kể từ ngày bị cáo bị bắt tạm giữ là 16/8/2024.

- Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52 và Điều 38 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017;

Tuyên bố bị cáo **Bùi Văn B** (Bình Đầu B2) phạm tội: "Trộm cắp tài sản".

Xử phạt bị cáo Bùi Văn B **01 (một) năm** tù. Thời điểm chấp hành hình phạt tù được tính kể từ ngày tạm giam là 15/01/2025 (Ngoài ra, bị cáo được khấu trừ vào thời gian tạm giữ từ ngày 16/8/2024 đến ngày 25/8/2024).

- Áp dụng khoản 1 Điều 323; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52 và Điều 38 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017;

Tuyên bố bị cáo **Lê Hữu T8** (T) phạm tội: "Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có".

Xử phạt bị cáo Lê Hữu T8 **06 (sáu) tháng** tù. Thời điểm chấp hành hình phạt tù được tính kể từ ngày bị cáo chấp hành án.

2. Về hình phạt bổ sung: Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo Nguyễn Văn T; Trần Văn T2; Đặng Xuân T6; Bùi Văn B và Lê Hữu T8.

3. Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 47 Bộ luật Hình sự và Điều 106 Bộ luật Tố tụng Hình sự, tuyên:

Trả lại 01 (một) máy xăng nhãn hiệu HUYNDAI, màu xanh trắng đen, láp máy dài 270cm và 01 chân vịt màu trắng đã qua sử dụng không kiểm tra tình trạng hoạt động và 01 (một) xuồng Composite màu xanh trắng xanh, có in dòng chữ "ĐIEN MAY THANH HUNG ĐT: 077.6272369", chiều dài 550cm, rộng 90cm, đã qua sử dụng. Xét thấy, ông V không biết bị cáo T2 lấy tài sản để thực hiện hành vi phạm tội và tại phiên toà ông V xin nhận lại tài sản này nên cần trả lại tài sản này cho ông Trần Thanh V là chủ sở hữu là phù hợp.

Đối với 01 (một) Thẻ nhớ nhãn hiệu IMOU, loại thẻ nhớ IF (MicroSD), dung lượng 64GB, đã qua sử dụng. Trong Camera tại cơ sở thu mua phế liệu T11 và 01 (một) Thẻ nhớ nhãn hiệu SSD, loại thẻ nhớ TF (micro), dung lượng 32GB, đã qua sử dụng. Trong Camera tại cơ sở thu mua phế liệu T11 đã qua sử dụng trả lại cho Lê Hữu T8 là chủ sở hữu.

Tịch thu sung quỹ nhà nước đối với số tiền thu lợi bất chính là 1.423.000đ của bị cáo Hữu T8, bị cáo đã nộp xong theo biên lai thu tiền số 0002073 ngày 07/02/2025 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Giồng Riềng.

Tịch thu sung quỹ nhà nước đối với **01** (một) điện thoại di động nhãn hiệu Samsung màu đen, số IMEI 353465100686698, IMEI2: 353466100686696, cùng sim số: 0768803743. Điện thoại đã được niêm phong theo quy định của Nguyễn Văn T; **01** (một) điện thoại di động nhãn hiệu Samsung màu xanh đen, số IMEI 1: 353317/09/080535/0, IMEI 2: 353318/09/080535/8, cùng sim số: 0378959543 của Trần Văn T2 là chủ sở hữu; **01** (một) Điện thoại di động nhãn hiệu SAMSUNG Galaxy A53 5G, tên kiểm thiết bị SM - A536E/DS, số sêri: R5CT220FYZF, IMEI 1: 350331801409645, IMEI 2: 352406221409645 màu đen có gắn 01 sim điện thoại 0385156332 của Lê Hữu T8 là chủ sở hữu và **01** (một) xe mô tô nhãn hiệu CITI NEW trên lốc máy, không rõ loại, biển kiểm soát 55Y5-1578, số khung: RMNWCHEMN9H000528, số máy: VHLFM152FMHV01500528, xe đã qua sử dụng, không kiểm tra tình trạng hoạt động.

Tịch thu tiêu huỷ đối với nhiều đoạn vỏ dây điện và ruột dây điện 07 sợi bằng kim loại màu đồng. Trọng lượng 02kg. Tại bộ ván trong nhà của Đặng Xuân T6 được đựng trong 01 (một) bao nylon; 01 (một) kìm răng bằng kim loại, có đầu hình bầu dục, loại kìm cắt có biểu hiện rỉ sét, hư một phần đầu bấm kìm, dài 19,5cm; cán phủ nhựa màu đỏ đen, bên ngoài có quấn băng keo màu đen. Đã qua sử dụng; 01 (một) bao nylon bên trong có chứa nhiều đoạn vỏ dây điện trắng đen, loại vỏ dây Cadivi Duplex 2x11mm2. Trọng lượng 06kg. Tại đám cỏ sậy cạnh nhà Đặng Xuân T6; 01 (một) bao nylon bên trong có chứa nhiều đoạn ruột dây 07 sợi bằng kim loại màu hồng, trọng lượng 12,2kg, dây không có vỏ tại cơ sở thu mua phế liệu của Tuấn N2 1; 01 (một) dao bằng kim loại bản lớn, mũi bằng, lưỡi dao sắc bén một bề, cán bị hỏng. Đã qua sử dụng tại bộ ván trong nhà của Đặng Xuân

T6; 01 (một) dao yếm nhỏ bằng kim loại, mũi dao bầu nhọn, lưỡi dao sắc bén một bề, cán gỗ. Đã qua sử dụng tại bộ ván trong nhà của Đặng Xuân T6 và 01 (một) kìm răng bằng kim loại, cán phủ nhựa màu vàng cam, có quấn băng keo đen. Đã qua sử dụng tại bộ ván trong nhà của Đặng Xuân T6.

Vật chứng trên hiện Chi cục Thi hành án dân sự huyện Giồng Riềng đang quản lý theo quyết định chuyển giao vật chứng số: 01/QĐ-VKSGR ngày 10/12/2024 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang

4. Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng Điều 589 của Bộ luật dân sự năm 2015, buộc các bị cáo liên đới chịu trách nhiệm bồi thường thiệt hại cho Ủy ban nhân dân huyện G tương ứng từng bị cáo như sau:

Bị cáo Trần Văn T2 bồi thường số tiền là 2.830.250 đồng nhưng được khấu trừ vào số tiền 4.000.000 đồng mà bà Lương Thị T4 (Mẹ ruột bị cáo) đã tạm nộp tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Giồng Riềng theo biên lai thu tiền số 0002072 ngày 06/02/2025, Hoàn trả cho bị cáo T2 số tiền còn thừa lại là 1.169.750 đồng.

Các bị cáo Nguyễn Văn T, Đặng Xuân T6 và Bùi Văn B mỗi bị cáo phải bồi thường số tiền là 2.830.250 đồng.

Bị cáo Lê Hữu T8 đã tự nguyện nộp số tiền là 2.000.000 đồng để cấn trừ vào số tiền thiệt hại mà các bị cáo T, T2, Xuân T6 và B phải bồi thường cho người bị hại, bị cáo Hữu T8 đã nộp xong theo biên lai thu tiền số 0002073 ngày 07/02/2025 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Giồng Riềng.

5. Về án phí: Áp dụng Điều 135, Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; khoản 1 Điều 23, Điều 26 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 31 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội;

Buộc các bị cáo Nguyễn Văn T, Đặng Xuân T6 và Bùi Văn B mỗi bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm là 200.000 đồng và án phí dân sự sơ thẩm không có giá ngạch là 300.000đ.

Buộc bị cáo Trần Văn T2 phải chịu án phí hình sự sơ thẩm là 200.000 đồng.

Buộc bị cáo Lê Hữu T8 phải chịu án phí hình sự sơ thẩm là 200.000 đồng.

6. Quyền kháng cáo: Báo cho các bị cáo và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày tính kể từ ngày tuyên án (21/02/2025); Bị hại và những người vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày tính kể từ ngày được tống đạt hợp lệ bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp Bản án, Quyết định được thi hành theo qui đinh tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành

án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(đã ký)

Lữ Cẩm Nhung

Nơi nhận:
- TAND Tỉnh;
- VKSND huyện;
- Nhà tạm giữ CA huyện GR;
- Cơ quan CS điều tra;
- Chi cục Thi hành án DS huyện;
- UBND xã;
- Bị cáo;
- Người bị hại;
- Lưu.